

Số: /PA-UBND

Lâm Đồng, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN

Tổng thể sắp xếp thôn, tổ dân phố năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Thực hiện Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới; Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 08/4/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Công văn số 1731-CV/TU ngày 29/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị;

Trên cơ sở báo cáo thực trạng và đề xuất phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố của UBND các xã, phường, đặc khu; Kết luận số 700-TB/TU ngày 09/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sắp xếp thôn, tổ dân phố năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Phương án tổng thể sắp xếp thôn, tổ dân phố năm 2026 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TÌNH HÌNH TỈNH LÂM ĐỒNG

Tỉnh Lâm Đồng (mới) được sắp xếp từ ba tỉnh: Lâm Đồng, Bình Thuận và Đắk Nông theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; đó là sự kế thừa, tích hợp và phát triển liên tục trên nền tảng lịch sử lâu dài, giàu bản sắc của ba vùng không gian địa lý - văn hóa khác biệt nhưng có mối liên kết chặt chẽ.

Trước khi sáp nhập, tỉnh Lâm Đồng (cũ) vốn hình thành từ cao nguyên

Lang Biang, gắn với quá trình khai phá, xây dựng đô thị nghỉ dưỡng của người Pháp từ cuối thế kỷ XIX, với trung tâm là thành phố Đà Lạt, đô thị đặc thù nổi tiếng về khí hậu, cảnh quan và giáo dục. Trong khi đó, tỉnh Bình Thuận có lịch sử phát triển lâu đời gắn với văn hóa Chăm Pa, kinh tế biển và thương mại ven biển, nổi bật với đô thị như Phan Thiết, giữ vai trò cửa ngõ giao thương ra Biển Đông. Còn Đắk Nông được hình thành trên cơ sở tách ra từ tỉnh Đắk Lắk vào năm 2004, là vùng đất giàu tiềm năng về tài nguyên khoáng sản, nông nghiệp và năng lượng tái tạo, về văn hóa mang đậm bản sắc văn hóa các dân tộc Tây Nguyên.

Tỉnh Lâm Đồng mới là tỉnh thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, có vị trí chiến lược về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh; là cửa ngõ kết nối giữa Tây Nguyên với vùng Đông Nam Bộ; với diện tích tự nhiên 24.233,07 km² và dân số 3.938.666 người¹; với 49/54 dân tộc anh em cùng sinh sống điển hình như: Cơ Ho, M'ông, Ê đê; Chăm, Raglai, Tày, Nùng,... có 719.560 người là đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS), chiếm khoảng 18,3% dân số toàn tỉnh. Các tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận hoạt động trên địa bàn gồm: Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Giáo hội Công giáo Việt Nam, các hệ phái Tin Lành, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Phật Đường Nam Tông Minh Sư đạo, Cộng đồng Tôn giáo Baha'i Việt Nam, Hồi giáo Bani, Balamôn giáo và Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam. Trên địa bàn tỉnh có một số tôn giáo chính như: Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam và Cao đài...

Tỉnh có hệ thống hạ tầng giao thông tương đối đồng bộ, hội đủ các phương thức vận tải gồm đường bộ, đường hàng không, đường sắt và đường thủy nội địa, hàng hải. Nổi bật là Cảng hàng không quốc tế Liên Khương, Cảng hàng không Phan Thiết và các tuyến đường cao tốc đã, đang và sẽ được triển khai (như cao tốc Bắc Nam, cao tốc Liên Khương - Prenn, cao tốc Bảo Lộc - Tân Phú...). Tỉnh Lâm Đồng có đường biên giới tiếp giáp Campuchia, có 05 xã biên giới với hơn 133 km đường biên giới.

Việc sắp xếp thôn, tổ dân phố trong thời gian trước khi nhập tỉnh đã được UBND 03 tỉnh bám sát triển khai thực hiện, vì vậy việc sắp xếp thôn, tổ dân phố cũng đã có kinh nghiệm bước đầu, cụ thể: Tỉnh Bình Thuận, tỉnh Đắk Nông thực hiện sắp xếp vào năm 2019 và tỉnh Lâm Đồng (cũ) thực hiện vào năm 2020 và năm 2022.

Tỉnh Bình Thuận sắp xếp 30 thôn, tổ dân phố để thành lập 17 thôn, tổ dân phố, giảm 13 thôn, tổ dân phố; từ 706 thôn, tổ dân phố còn 693 thôn, tổ dân phố.

Tỉnh Đắk Nông sắp xếp 162 thôn, tổ dân phố, để thành lập 86 thôn, tổ dân phố giảm 76 thôn, tổ dân phố; từ 789 thôn, tổ dân phố còn 713 thôn, tổ dân phố.

Tỉnh Lâm Đồng (cũ) sắp xếp 336 thôn, tổ dân phố, để thành lập 162 thôn,

¹ Văn bản số 1863/SNNMT-CCQLĐĐ ngày 11/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường; Báo cáo số 111/BC-CAT-PC06 ngày 19/3/2026 của Công an tỉnh.

tổ dân phố giảm 174 thôn, tổ dân phố; từ 1.541 thôn, tổ dân phố còn 1.367 thôn, tổ dân phố.

Sau khi sáp nhập 03 tỉnh, toàn tỉnh có 124 đơn vị hành chính cấp xã gồm 20 phường, 103 xã và đặc khu Phú Quý; trong đó 74 đơn vị hành chính cấp xã được phân loại đơn vị hành chính loại I, 46 đơn vị hành chính cấp xã được phân loại đơn vị hành chính loại II và 04 xã được phân loại đơn vị hành chính loại III. Toàn tỉnh có 2.773 thôn, tổ dân phố (gồm 2.118 thôn và 655 tổ dân phố).

II. THỰC TRẠNG VỀ THÔN, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

1. Số lượng thôn, tổ dân phố

Theo khoản 1 Điều 2 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ, quy định: “1. *Thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc... (gọi chung là thôn); tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu... (gọi chung là tổ dân phố).*”

Sau khi thực hiện chính quyền 02 cấp, thực hiện các văn bản của Ban chỉ đạo sắp xếp chính quyền 02 cấp của Chính phủ, văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ và UBND tỉnh Lâm Đồng; các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh đã tiến hành đổi tên thôn, tổ dân phố phù hợp với từng loại hình và đổi tên thôn, tổ dân phố do bị trùng tên. Hiện nay, tỉnh Lâm Đồng có 2.773 thôn, tổ dân phố, gồm: 2.118 thôn (1.988 thôn, 11 buôn, 107 bon, 12 bản) và 655 tổ dân phố (533 tổ dân phố, 122 khu phố).

Về quy mô số hộ gia đình, theo điểm đ khoản 1 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ, quy định: “đ. *Ở vùng duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên: Thôn phải có từ 300 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố phải có từ 450 hộ gia đình trở lên*”.

Trên cơ sở báo cáo kết quả rà soát thực trạng quy mô số hộ gia đình của các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh; quy mô số hộ gia đình của các thôn, tổ dân phố trên địa bàn toàn tỉnh cụ thể như sau:

a) Đối với **2.118** thôn, có:

- **1.247** thôn có quy mô hộ gia đình ***không đảm bảo tiêu chuẩn*** quy định (Thôn có quy mô hộ gia đình dưới 300 hộ), thuộc diện sắp xếp.

- **871** thôn có quy mô hộ gia đình ***đảm bảo tiêu chuẩn*** quy định (Thôn có quy mô hộ gia đình từ 300 hộ trở lên), trong đó:

+ **751** thôn có quy mô hộ gia đình từ 300 hộ đến dưới 700 hộ.

+ **120** thôn có quy mô hộ gia đình từ 700 hộ trở lên.

b) Đối với **655** tổ dân phố, có:

- **447** tổ dân phố có quy mô hộ gia đình ***không đảm bảo tiêu chuẩn*** quy định (Tổ dân phố có quy mô hộ gia đình dưới 450 hộ), thuộc diện sắp xếp.

- **208** tổ dân phố có quy mô hộ gia đình ***đảm bảo tiêu chuẩn*** quy định (Tổ dân phố có quy mô hộ gia đình từ 450 hộ trở lên), trong đó:

+ **205** tổ dân phố có quy mô hộ gia đình từ 450 hộ đến dưới 1.000 hộ.

+ **03** tổ dân phố có quy mô hộ gia đình từ 1.000 hộ trở lên.

Như vậy, trong số **2.773** thôn, tổ dân phố của tỉnh Lâm Đồng có **1.694** thôn, tổ dân phố có quy mô hộ gia đình không đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định (chiếm tỷ lệ 61,09%) thuộc diện sắp xếp và **1.079** thôn, tổ dân phố có quy mô hộ gia đình đảm bảo tiêu chuẩn quy định (chiếm tỷ lệ 38,91%).

2. Về tổ chức đảng, các chi hội, đoàn thể ở thôn, tổ dân phố

- Toàn tỉnh có 2.767/2.773 thôn, tổ dân phố có chi bộ; có 03 thôn trắng đảng viên là người dân tộc tại chỗ (xã Đức Lập); 06 chi bộ sinh hoạt ghép.

- Toàn tỉnh hiện có khoảng 2.719/2.773 thôn, tổ dân phố có Ban Công tác Mặt trận và các chi hội, đoàn thể như: Chi hội Nông dân, Chi hội Phụ nữ, Chi hội Cựu Chiến binh, Chi đoàn, Chi hội Chữ Thập đỏ, Chi hội Người cao tuổi và Chi hội Khuyến học.

3. Về người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

- Tổng số người hoạt động không chuyên trách của các thôn, tổ dân phố trên địa bàn toàn tỉnh là **7.781** người (không bao gồm chức danh kiêm nhiệm); trong đó Bí thư Chi bộ **2.661** người; Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là **2.523** người và Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố **2.597** người.

- Có **391** người hoạt động không chuyên trách và cán bộ, công chức kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, cụ thể:

+ Có 50 cán bộ, công chức kiêm Bí thư Chi bộ.

+ Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố 194 người.

+ Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố 130 người.

+ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố kiêm nhiệm Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố 17 người.

4. Về người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

Toàn tỉnh hiện có khoảng **21.478** người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố (trong đó 1.691 Phó Bí thư Chi bộ; 1.455 Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố; 2.046 Phó Trưởng ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố; 2.354 Chi hội trưởng Chi hội Nông dân; 2.504 Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ; 2.572 Bí thư Chi đoàn; 2.447 Chi hội trưởng Chi hội Cựu Chiến binh; 2.335 Chi hội trưởng Chi hội Người cao tuổi; 1.640 Chi hội trưởng Hội Chữ thập đỏ; 825 Chi hội trưởng Chi hội Khuyến học thôn, tổ dân phố và 1.609 chức danh khác).

5. Về nhà sinh hoạt cộng đồng (hội trường thôn, tổ dân phố)

Nhìn chung các thôn, tổ dân phố trên địa bàn toàn tỉnh cơ bản có nhà sinh hoạt cộng đồng để tổ chức các hội nghị của thôn, tổ dân phố theo quy định. Tổng số thôn, tổ dân phố có nhà sinh hoạt cộng đồng là 2.536; có 237 thôn, tổ dân phố chưa có nhà sinh hoạt cộng đồng phải sinh hoạt ghép.

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Thực hiện quy định của Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và UBND tỉnh; UBND cấp xã đã tiến hành rà soát, báo cáo thực trạng và xây dựng phương án sắp xếp, trong đó:

Có 123/124 xã, phường, đặc khu đề xuất phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố; có 01/124 đơn vị hành chính (xã Quảng Trục) không thực hiện sắp xếp với 11 thôn, trong đó có 03 thôn đảm bảo tiêu chuẩn và 08 thôn không đảm bảo tiêu chuẩn, do xã Quảng Trục là xã biên giới, địa hình phức tạp, có hơn 40 km đường biên giới chưa cắm mốc, cần đảm bảo sự ổn định chính quyền cơ sở.

1. Phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố

UBND tỉnh đã triển khai cho các xã, phường, đặc khu thực hiện rà soát, đề xuất theo đúng quan điểm, nguyên tắc, yêu cầu của Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ, Công văn số 1371-CV/TU ngày 29/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thông báo số 393-TB/TU ngày 02/6/2026 và Thông báo số 402-TB/TU ngày 04/6/2026 của Thường trực Tỉnh ủy. Kết quả sau rà soát, hoàn thiện phương án tổng thể sắp xếp thôn, tổ dân phố năm 2026 trên địa bàn tỉnh như sau:

- Thực hiện sắp xếp **2.503** thôn, tổ dân phố, trong đó có: **1.648** thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn phải sắp xếp; **855** thôn, tổ dân phố đảm bảo tiêu chuẩn nhưng xã, phường đề xuất sắp xếp để tinh gọn bộ máy.

Có **101** thôn, tổ dân phố thực hiện điều chỉnh quy mô hộ gia đình vào các thôn, tổ dân phố liền kề.

Có **714** thôn, tổ dân phố nhập nguyên trạng từ 02 đơn vị; **262** thôn, tổ dân phố nhập nguyên trạng từ 03 đơn vị; **29** thôn, tổ dân phố nhập nguyên trạng từ 04 đơn vị và **01** tổ dân phố nhập nguyên trạng từ 05 đơn vị. Có **270** thôn, tổ dân phố giữ nguyên không thực hiện sắp xếp (trong đó có **46** thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn nhưng địa phương đề xuất không sắp xếp do có yếu tố đặc thù).

Sau khi sắp xếp **2.503** thôn, tổ dân phố để hình thành **1.107** thôn, tổ dân phố mới và giữ nguyên **270** thôn, tổ dân phố không thực hiện sắp xếp thì tổng số thôn, tổ dân phố của tỉnh giảm từ **2.773** xuống còn **1.377** thôn, tổ dân phố (trong đó có: **1.071** thôn, **306** tổ dân phố); tỷ lệ giảm chung toàn tỉnh là 50,34%.

Tỷ lệ giảm bình quân chung toàn tỉnh đảm bảo yêu cầu theo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh và đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông

nhất Phương án tổng thể. Trong đó có: **07** xã, phường sắp xếp giảm từ 60% thôn, tổ dân phố trở lên; **74** xã, phường sắp xếp giảm từ 50% đến dưới 60% thôn, tổ dân phố; **28** xã, phường sắp xếp giảm từ 40% đến dưới 50% thôn, tổ dân phố; **05** xã, phường sắp xếp giảm từ 30% đến dưới 40% thôn, tổ dân phố; **05** xã, phường sắp xếp giảm từ 20% đến dưới 30% thôn, tổ dân phố; **05** xã, phường sắp xếp giảm dưới 20% thôn, tổ dân phố. Các xã, phường có tỷ lệ giảm thôn, tổ dân phố sau xếp dưới 50% đều có thuyết minh, giải trình về điều kiện, tình hình thực tế của địa phương và khẳng định phương án đề xuất sắp xếp là bám sát chủ trương, quy định của Trung ương và định hướng, chỉ đạo của Tỉnh ủy.

Về quy mô các thôn, tổ dân phố sau sắp xếp như sau:

- Tổng số thôn, tổ dân phố có quy mô dân số đảm bảo tiêu chuẩn là **1.320** thôn, tổ dân phố (trong đó có **1.020** thôn, **300** tổ dân phố).

+ Đối với thôn có quy mô hộ gia đình từ 700 hộ trở lên là **331** thôn.

+ Đối với tổ dân phố có quy mô hộ gia đình từ 1.000 hộ trở lên là **88** tổ dân phố.

- Có **57** thôn, tổ dân phố (51 thôn và 06 tổ dân phố) không đảm bảo tiêu chuẩn quy mô hộ gia đình nhưng có yếu tố đặc thù.

(Biểu số 1, số 2 kèm theo)

2. Số thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn quy mô hộ gia đình nhưng không thực hiện sắp xếp, do có yếu tố đặc thù

Toàn tỉnh có 46/1.694 thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn quy mô hộ gia đình nhưng không thực hiện sắp xếp, do có yếu tố đặc thù về vị trí địa lý, phong tục tập quán, văn hóa dân tộc (gồm 05 tổ dân phố và 41 thôn), cụ thể như sau:

(1) Tổ dân phố Đa Nghịch, Phường 3 Bảo Lộc

Hiện tổ dân phố Đa Nghịch có tổng số hộ 301 hộ, tập trung chủ yếu người đồng bào DTTS gốc Tây Nguyên có đặc điểm địa bàn dân cư, văn hóa, phong tục tập quán riêng.

(2) Thôn Ha Ma Sing, xã D' Ran

Thôn Ha Ma Sing, có 287 hộ, trong đó có 268/287 hộ đồng bào DTTS, 1.201 nhân khẩu đồng bào DTTS, chiếm khoảng 93,4% dân số toàn thôn.

Thứ nhất, về lịch sử hình thành: Làng Ha Ma Sing hình thành năm 1959, có 07 hộ với 19 nhân khẩu không chịu di dời mà tự vào lập nghiệp tại Ha Ma Sing; cộng đồng đã duy trì liên tục và phát triển đến nay. Trước đó, làng Ha Ma Sing thuộc xã Linh Gia, tổng Linh Nhân - đơn vị hành chính riêng biệt với xã Lạc Nghiệp, chỉ sáp nhập vào xã Lạc Nghiệp sau ngày giải phóng. Đây là cộng đồng có lịch sử hình thành và bản sắc hoàn toàn khác biệt với các thôn liền kề.

Thứ hai, về vị trí địa lý: Thôn Ha Ma Sing nằm ở khu vực Đông Bắc sông Đa Nhim, tiếp cận theo tuyến đường liên thôn Phú Thuận - Ha Ma Sing, cách

khu dân cư Phú Thuận khoảng 02 - 03 km, địa hình đồi núi xen kẽ. Đây là địa bàn tương đối biệt lập, không có quan hệ sinh hoạt cộng đồng, sản xuất tự nhiên gắn kết với bất kỳ thôn người Kinh liền kề nào; việc sắp xếp cơ học sẽ tạo ra thôn mới thiếu tính gắn kết thực tế.

Thứ ba, về bản sắc văn hóa và yêu cầu quản lý: Với tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số 93,4%, thôn Ha Ma Sing là địa bàn có ngôn ngữ, phong tục tập quán, sinh hoạt cộng đồng riêng.

(3) Thôn Phi Sour, xã Nam Hà Lâm Hà

Đối với thôn Phi Sour số hộ hiện nay có 214 hộ; hiện tại đối với xã Nam Hà Lâm Hà là xã vùng đồng bào DTTS và miền núi, xã khu vực III giai đoạn 2026 - 2030 và thôn Phi Sour hiện tại đang là thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030 (có tỷ lệ đồng bào DTTS là 95,1%).

Về diện tích tự nhiên: Thôn Phi Sour có phạm vi phân bố dân cư khoảng 15,4 km²; dân cư rải rác, phân bố không đồng đều.

Về vị trí địa lý: Địa hình của thôn trên có sự phân tách tự nhiên bởi nhiều đồi, suối, hình thành một cộng đồng tự ổn định từ lâu đời, có bản sắc văn hóa riêng được duy trì ổn định qua nhiều thế hệ.

(4) Thôn Tân Lập và thôn Đạ Sa, xã Tân Hà Lâm Hà (02 thôn)

Theo Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng thì thôn Tân Lập và thôn Đạ Sa là 02 thôn thuộc diện đặc biệt khó khăn và có đường sá giao thông chưa thuận lợi so với các thôn khác trên địa bàn xã. Đồng thời, đời sống Nhân dân tại 02 thôn còn nhiều khó khăn và tỷ lệ hộ nghèo cao so với mặt bằng chung của toàn xã.

(5) Thôn Dong GLê, xã Đam Rông 1

Giữ nguyên thôn Dong GLê (180 hộ), do đây là thôn đặc biệt khó khăn, địa bàn biệt lập, thành phần dân cư chủ yếu là dân tộc H'mông và dân tộc Dao sinh sống.

(6) Thôn Bắc Nguyên, xã Đam Rông 2

Thôn Bắc Nguyên với 214 hộ, là thôn đặc thù về dân cư, tôn giáo, 100% số hộ, nhân khẩu trên địa bàn thôn là dân di cư từ phía Bắc người dân tộc H'mông. Thôn Bắc Nguyên còn là thôn điểm về an ninh trật tự được UBND huyện Đam Rông trước đây và nay UBND xã Đam Rông 2 tiếp tục triển khai mô hình thôn 03 không (không ma túy, không thuốc lá, không rượu, bia), mô hình này đã có hiệu quả rõ nét và ảnh hưởng tích cực cho các thôn trên địa bàn xã. Ngoài ra, nếu sắp xếp với thôn khác trên địa bàn xã sẽ ảnh hưởng đến công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của người hoạt động không chuyên trách ở thôn đối với người dân và công tác quản lý của địa phương vì sự khác biệt về phong tục, tập quán, ngôn ngữ.

(7) Thôn Jang Pàr và thôn Ka Liêng, xã Sơn Điền (02 thôn)

- Thôn Jang Pàr với tổng số hộ gia đình: 249 hộ, thuộc địa bàn miền núi, xã vùng đồng bào DTTS; là thôn đặc biệt khó khăn; có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; bao quanh thôn Jang Pàr là rừng sản xuất và khu sản xuất. Từ trung tâm thôn Jang Pàr đến trung tâm thôn Ka Liêng cách nhau khoảng 7,7 km (thôn giáp ranh, gần nhất); khoảng cách từ trung tâm thôn Jang Pàr đến trụ sở UBND xã Sơn Điền mới khoảng 22 km.

- Thôn Ka Liêng với tổng số hộ gia đình: 194 hộ, thuộc địa bàn miền núi, thuộc xã vùng đồng bào DTTS; là thôn đặc biệt khó khăn; có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; bao quanh thôn Ka Liêng là rừng sản xuất và khu sản xuất. Từ trung tâm thôn Ka Liêng đến trung tâm thôn Jang Pàr cách nhau khoảng 7,7 km và cách thôn Con Sỏ là 07 km (thôn giáp ranh, gần nhất); khoảng cách từ trung tâm thôn Ka Liêng đến trụ sở UBND xã Sơn Điền mới khoảng 29 km.

(8) Thôn Nao Quang, xã Bảo Lâm 4

Thôn Nao Quang chỉ có 91 hộ, tuy nhiên do vị trí địa lý cách xa trung tâm xã và cách xa các thôn lân cận, là thôn thuộc địa bàn miền núi, thôn 100% là người đồng bào DTTS; khoảng cách từ trung tâm xã đến thôn là 20 km.

(9) Thôn 1 và thôn 20, xã Đạ Huoai (02 thôn)

Thôn 1 và thôn 20 xã Đạ Huoai đều được công nhận là thôn thuộc địa bàn miền núi và thuộc thôn đồng bào DTTS, tỷ lệ người đồng bào DTTS cao trên 60% (Thôn 1 là 63,03%; thôn 20: Tỷ lệ người đồng bào DTTS là 99,51%). Đồng thời cả hai thôn đều bị chia cách về địa hình và dân cư sinh sống phân tán với các thôn tiếp giáp (Thôn 1 bị chia cắt bởi khu vực Đèo Chuối với thôn 2 và sông Đạ Huoai với thôn 27; thôn 20 bị chia cắt bởi sông Đạ Huoai với thôn 19 và cách khu dân cư gần nhất của thôn 19 khoảng 03 km) và có nét riêng biệt về phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc.

(10) Thôn Tôn K' Long, xã Đạ Tẻh 2

Thôn Tôn K' Long, gồm 192 hộ, là thôn có đông đồng bào DTTS sinh sống, chủ yếu là người dân tộc Châu Mạ, có địa hình chia cắt, vị trí cách trung tâm xã 15 km, đường sá đi lại khó khăn, nhằm tạo tính ổn định và gắn kết cộng đồng dân cư đồng bào DTTS.

(11) Thôn 3 và thôn 4, xã Cát Tiên 2 (02 thôn)

- Thôn 3 có 46 hộ, với 100% là đồng bào dân tộc S'tiêng sinh sống ổn định lâu đời. Đồng bào vẫn duy trì nhiều phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa truyền thống đặc trưng của dân tộc S'tiêng; đời sống cộng đồng gắn kết, tương đồng về văn hóa, tín ngưỡng và phương thức sản xuất. Địa bàn thôn cách trung tâm xã khoảng 20 km, giao thông đi lại còn khó khăn; đồng thời góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc S'tiêng tại địa phương.

- Thôn 4 có 44 hộ, với 100% là đồng bào dân tộc Mạ sinh sống tập trung, ổn định lâu đời trên địa bàn. Đây là cộng đồng dân cư có nét đặc trưng riêng về văn hóa, phong tục tập quán, sinh hoạt cộng đồng và đời sống sản xuất truyền thống của đồng bào dân tộc Mạ. Thôn nằm cách trung tâm xã khoảng 35 km, địa hình đồi dốc, điều kiện đi lại và kết nối hạ tầng còn nhiều khó khăn. Việc giữ nguyên thôn nhằm, phát huy vai trò tự quản cộng đồng và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc Mạ.

Hai thôn có đặc điểm sản xuất, sinh hoạt gắn với địa bàn riêng biệt; người dân sinh sống tập trung theo khu vực đặc thù. Nếu sáp nhập sẽ làm tăng phạm vi quản lý, ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý của thôn, công tác vận động Nhân dân và việc tiếp cận các chương trình hỗ trợ vùng đồng bào DTTS.

Việc giữ nguyên hai thôn nhằm bảo đảm thuận lợi trong công tác tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS; giữ gìn bản sắc văn hóa, phong tục truyền thống và phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư tại địa phương, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhất là an ninh dân tộc, an ninh tôn giáo. Đồng thời, Nhân dân tại hai thôn này thống nhất đề nghị giữ nguyên hiện trạng để ổn định đời sống, sản xuất và bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

(12) Thôn Tà Púra, xã Nghị Đức

Thôn Tà Púra có yếu tố đặc thù đồng bào DTTS Cơ Ho sinh sống xen ghép (102 hộ), địa bàn miền núi cao, khoảng cách địa lý, điều kiện đi lại khó khăn.

(13) Thôn Đa Mi, xã Đồng Kho

Thôn Đa Mi 108 hộ, có yếu tố đặc thù như sau:

- Về vị trí địa lý: Với đặc thù là thôn miền núi đặc biệt khó khăn; địa hình đồi núi phức tạp; cụm dân cư tại thôn Đa Mi tập trung ở một vùng với 108 hộ dân, nằm cách xa thôn La Ngâu 1 khoảng 28 km, cách trung tâm hành chính xã Đồng Kho khoảng 40 km. Giao thông kết nối với trung tâm xã chủ yếu thông qua 01 tuyến Quốc lộ 55, đường đèo quanh co, rộng 6-7 mét, khúc khuỷu; trên toàn bộ tuyến đường từ trung tâm hành chính xã đến thôn Đa Mi không có hộ dân cư sinh sống, khoảng cách xa và chưa được đầu tư hệ thống chiếu sáng công cộng, không sóng viễn thông, gây nhiều khó khăn cho việc đi lại, liên hệ công tác, tiếp cận các dịch vụ hành chính, y tế, giáo dục và các nhu cầu thiết yếu khác của người dân, đặc biệt vào ban đêm hoặc trong điều kiện thời tiết bất lợi.

- Về yếu tố văn hóa, phong tục tập quán: Thôn Đa Mi không phải là thôn thuần đồng bào DTTS, thành phần dân cư của thôn thuộc nhiều vùng văn hóa khác nhau của cả nước di dân đến sống quần tụ thành thôn Đa Mi nếu sáp nhập với thôn La Ngâu 1 (là thôn thuần đồng bào DTTS) thì sẽ ảnh hưởng đến tập quán, phong tục truyền thống cần bảo vệ, giữ gìn bản sắc và phát huy.

- Về các yếu tố khác: Nếu thực hiện sáp nhập với thôn liền kề (thôn La

Ngẫu 1) thì việc đảm bảo tình hình trật tự, an toàn xã hội ở khu vực thôn Đa Mi gặp rất nhiều khó khăn, do địa bàn rộng lớn, hai khu dân cư của thôn sống biệt lập cách xa nhau (28 km), việc nắm tình hình dân cư, triển khai thực hiện các nhiệm vụ ở thôn cũng gặp rất nhiều khó khăn; cũng như làm giảm hiệu quả quản lý, phục vụ nhân dân của địa phương.

(14) Tổ dân phố Ting Wêl Đăng, phường Bắc Gia Nghĩa

Giữ nguyên tổ dân phố Ting Wêl Đăng có 411 hộ, do có đông đồng bào DTTS sinh sống tập trung, có yếu tố văn hóa, phong tục tập quán riêng biệt.

(15) Tổ dân phố: Đắc R'Moan, 5 Nghĩa Tân, 6 Nghĩa Tân, phường Nam Gia Nghĩa (03 tổ dân phố)

Các tổ dân phố trên thuộc vùng đồng bào DTTS được đề xuất giữ nguyên nhằm ổn định, bảo đảm yếu tố truyền thống, văn hóa, phong tục tập quán và thuận lợi trong công tác quản lý địa bàn.

(16) Thôn 9 và thôn Cồn Dầu, xã Đắc Wil (02 thôn)

Giữ nguyên thôn 9 với quy mô đạt 252 hộ gia đình. Lý do: Đặc thù, thôn có đường biên giới, địa bàn rộng.

Giữ nguyên thôn Cồn Dầu với quy mô đạt 133 hộ gia đình. Lý do: Đặc thù, thuộc vùng sâu, vùng xa.

(17) Thôn 19 và bon U Sroong, xã Nam Dong (02 thôn, bon)

- Thôn 19 hiện nay đang có 259 hộ gia đình, là thôn thuộc vùng đồng bào DTTS, miền núi và đặc biệt khó khăn, có diện tích rộng lớn, giao thông liên thôn không thuận tiện, bị chia cắt bởi địa hình và vùng canh tác nông nghiệp của người dân; thực tế có nhiều hộ gia đình chung sống đa thế hệ trên cùng một mảnh đất, làm nhà riêng nhưng chưa tách hộ vì thiếu các điều kiện trong quy định của luật đất đai, xây dựng nhà ở, do phong tục tập quán quần cư (khoảng 50 hộ chưa đảm bảo điều kiện về đất ở để tách hộ). Nếu tiếp tục sáp nhập với các thôn liền kề sẽ khó khăn cho người dân trong việc đi lại, sinh hoạt, khó quản lý...

- Đối với Bon U Sroong hiện nay chỉ có 169 hộ gia đình, là bon đồng bào DTTS tại chỗ có lịch sử hình thành từ rất lâu đời và thuộc khu vực đặc biệt khó khăn, diện tích rộng, đời sống kinh tế của người dân còn nhiều khó khăn; đa số người dân là người đồng bào DTTS tại chỗ đã sinh sống lâu năm, có đặc điểm dân cư, phong tục tập quán, truyền thống văn hóa, tập tục sinh hoạt riêng. Do đó việc sắp xếp sáp nhập với các thôn liền kề sẽ khó khăn trong việc đi lại, sinh hoạt, ảnh hưởng đến việc bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống văn hóa của người DTTS tại chỗ.

(18) Đối với thôn Thuận Nam, xã Thuận An

Thôn hiện có 258 hộ, có phạm vi diện tích khoảng 35,32 km², dân cư

phân bố không đồng đều, khoảng cách giữa các cụm dân cư xa, địa hình phức tạp và bị chia cắt nên gây khó khăn trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức sinh hoạt cộng đồng. Đồng thời, thôn nằm trên địa bàn tiếp giáp biên giới với vương quốc Campuchia, có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh. Vì vậy, việc không thực hiện sắp xếp đối với thôn này nhằm bảo đảm phù hợp điều kiện thực tiễn, yêu cầu quản lý nhà nước, giữ vững quốc phòng - an ninh và nâng cao hiệu quả hoạt động tại địa bàn dân cư đặc thù.

(19) Thôn Nam Tân, xã Nam Đà

Thôn Nam Tân có 250 hộ, tuy nhiên đây là thôn đồng bào DTTS Tày, Nùng chiếm tỷ lệ trên 87% sinh sống, có văn hóa, phong tục tập quán sinh hoạt riêng, địa hình chia cắt so với các thôn lân cận nên không thực hiện sắp xếp.

(20) Bon Choih, xã Quảng Phú

Bon Choih là bon có quy mô hộ gia đình 122 hộ, khu dân cư đông nhất của bon nơi đặt Nhà văn hóa cộng đồng bon Choih đến khu dân cư đông nhất của thôn liền kề (thôn Xuyên Nghĩa) nơi đặt Nhà văn hóa thôn Xuyên Nghĩa hơn 05 km, đồng thời cách trung tâm xã hơn 08 km. Trong khi đó, nếu sáp nhập thì có những cụm dân cư của bon Choih đến Nhà văn hóa từ 08 km đến 10 km, rất khó khăn cho người dân. Bon Choih thuộc vùng đồng bào DTTS (Êđê), với văn hóa, sinh hoạt cộng đồng riêng, thôn đặc biệt khó khăn, địa hình chia cắt xã với các thôn xung quanh.

(21) Bon Bu Prăng I, bon Bu Prăng 2, bon Bu Prăng 1A, bon Bu Prăng 2A, bon Bu Sóp, bon Bu Gia, bon Bu Nung và bon Bu Krăk, xã Quảng Trục (08 bon)

Là các bon đặc biệt khó khăn, cách trung tâm hành chính tỉnh Lâm Đồng khoảng 250 km; trong đó có nhiều bon có đường biên giới giáp vương quốc Campuchia dài 41,069 km. Địa giới hành chính tiếp giáp với huyện Ô Răng, tỉnh Mundulkiri, vương quốc Campuchia, thuộc bon nằm trong diện tích 49 km² chưa phân định ranh giới, cắm mốc. Đa số người dân là người đồng bào DTTS nghèo, có trình độ dân trí thấp, kinh tế, thiếu thốn, giao thông đi lại gặp nhiều khó khăn. Nhận thức pháp luật người dân còn hạn chế nên dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng, kích động, lôi kéo. Tình hình an ninh chính trị, quốc phòng những năm qua cơ bản được đảm bảo, giữ vững; tuy nhiên, vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, sự manh nha của các loại tội phạm. Sau khi tổ chức họp lấy ý kiến của các bon trên địa bàn xã, tất cả các bon đều thống nhất giữ nguyên không sáp nhập 11 bon/11 bon trên toàn xã.

(22) Bon Bu Đách, bon Bu Kóh và bon Bu NĐor A, xã Tuy Đức (03 bon)

Bon Bu Đách (270 hộ), bon Bu Kóh (217 hộ), bon Bu NĐor A (272 hộ) không thực hiện sắp xếp:

- Bon Bu Đách là bon đồng bào DTTS tại chỗ, có bản sắc văn hóa truyền

thống riêng, đời sống cộng đồng gắn kết chặt chẽ theo dòng họ và phong tục tập quán lâu đời. Địa bàn rộng, dân cư phân bố không tập trung, tình hình an ninh chính trị phức tạp. Việc sáp nhập với đơn vị khác có thể ảnh hưởng đến việc duy trì các giá trị văn hóa truyền thống và công tác vận động quần chúng trong vùng.

- Bon Bu Kóh có đặc điểm dân cư chủ yếu là đồng bào DTTS tại chỗ, có truyền thống văn hóa, tín ngưỡng và sinh hoạt cộng đồng riêng biệt, tình hình an ninh chính trị phức tạp. Mặc dù chưa đạt tiêu chuẩn về số hộ nhưng cộng đồng dân cư ổn định, có sự gắn kết xã hội cao. Việc sáp nhập có thể làm thay đổi cấu trúc cộng đồng truyền thống, ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý và công tác bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc.

- Bon Bu NĐor A có diện tích tự nhiên lớn, địa hình phức tạp, dân cư phân bố trải rộng. Đây là địa bàn gắn liền với lịch sử đấu tranh cách mạng của đồng bào dân tộc M'ông, có giá trị lịch sử, văn hóa đặc biệt đối với địa phương. Việc giữ nguyên đơn vị hành chính cộng đồng góp phần bảo tồn các giá trị truyền thống, đồng thời bảo đảm thuận lợi trong quản lý địa bàn.

(23) Bon Đắc B'Lao, bon BuRaZah và thôn 14, xã Kiến Đức (03 thôn, bon)

- Bon Đắc B'Lao với nhiều thành phần DTTS như người Tày, Thái, Mường, Nùng và chủ yếu là dân tộc M'ông và Bon BuRaZah, người DTTS chủ yếu là dân tộc M'ông; với lịch sử cư trú lâu đời, phong tục, tập quán riêng của người dân tộc thiểu số cần được giữ gìn phát huy; đồng thời đảm bảo ổn định an ninh chính trị, gắn kết cộng đồng dân cư trên địa bàn xã.

- Thôn 14 (155 hộ) có vị trí địa lý chia cắt phức tạp, vị trí thôn nằm biệt lập so với các thôn, bon còn lại, dân cư phân tán, giao thông đi lại khó khăn... Giáp ranh với thôn 14 là bon Đắc B'Lao có người DTTS sinh sống không có nét tương đồng về văn hóa cũng như tương đồng về lịch sử...

(24) Bon Bu Nđoh, bon Bu Dấp và bon Pi Nao, xã Nhân Cơ (03 bon)

Hiện nay, trên địa bàn xã Nhân Cơ có 03 bon đa số là người đồng bào DTTS sinh sống (gồm Bon Bu Nđoh (207 hộ), bon Bu Dấp (229 hộ), bon Pi Nao (125 hộ)), không đảm bảo về quy mô hộ gia đình, với lý do như sau:

- Lịch sử hình thành: Tại xã Nhân Cơ, đồng bào DTTS tại chỗ (dân tộc M'ông) sinh sống lâu đời và tập trung chủ yếu tại các bon là bon Bu Nđoh, bon Pi Nao và bon Bu Dấp. Đây là những bon mang bản sắc văn hóa dân tộc M'ông, gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của xã Nhân Cơ từ nhiều thế hệ trước. Trải qua quá trình lao động và sản xuất, đồng bào M'ông đã xây dựng đời sống cộng đồng, gìn giữ nhiều phong tục, tập quán truyền thống tốt đẹp như lễ mừng lúa mới, lễ cúng bến nước, nghệ thuật diễn tấu cồng chiêng và các điệu dân ca mang đậm bản sắc dân tộc.

- 03 bon trên có sự tương đồng về văn hóa, phong tục, tập quán, nhưng 03 bon có khoảng cách địa lý cách xa nhau (Bon Bu Nđoh nằm trên địa bàn xã Đắc

Wer cũ; bon Bu Dấp nằm trên địa bàn xã Nhân Cơ cũ; bon Pi Nao nằm trên địa bàn xã Nhân Đạo cũ) nên không thể sáp nhập các bon với nhau được; việc sắp xếp, sáp nhập giữa bon với thôn có vị trí địa lý liền kề có sự khác biệt về văn hóa, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo riêng có thể sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình phát triển và sinh hoạt về sau này; đồng thời việc đề xuất giữ nguyên các bon này sẽ tạo điều kiện tốt cho việc phục dựng, bảo tồn và phát triển, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đặc trưng của người dân tộc M'ông tại địa phương.

(25) Bon Châu Mạ, xã Quảng Tín

Là bon có 173 hộ, thuần người đồng bào DTTS M'ông, có nét văn hóa phong tục tập quán riêng biệt, sống quần cư, khoảng cách tới bon gần nhất khoảng 20 km.

3. Phương án bố trí và giải quyết chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố

a) Về số lượng

- Số người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trước sắp xếp: **7.781** người.

- Số người dự kiến bố trí sau sắp xếp ở các thôn, tổ dân phố là: **4.058** người.

- Số người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố dự kiến dôi dư, giải quyết chế độ chính sách theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP về tinh giản biên chế là: **3.723** người.

(Biểu số 3 kèm theo)

b) Về phương án giải quyết: Thực hiện theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ về tinh giản biên chế

- Về đối tượng: Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố nghỉ ngay khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền.

- Về chính sách: Thực hiện theo Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi sau sắp xếp

- Việc sắp xếp thôn, tổ dân phố góp phần tinh gọn tổ chức bộ máy (tỷ lệ thôn, tổ dân phố sau sắp xếp toàn tỉnh giảm 50,34%), giảm đầu mối quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động trong công tác quản lý, kịp thời triển khai các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ, tiết kiệm thời gian và đảm bảo tiến độ công việc, đặc biệt là đảm bảo an ninh chính trị, an ninh biên giới tại địa phương. Góp phần huy động nguồn lực từ Nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương triển khai xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

- Giảm số kinh phí hoạt động; tập trung nguồn lực đầu tư các thôn, tổ dân phố. Các thôn có quy mô lớn hơn sẽ thuận lợi trong việc bố trí, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng (giao thông, nhà sinh hoạt cộng đồng, điện, nước...), góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tăng hiệu quả ứng dụng chuyển đổi số và quản lý dân cư.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của các chi hội, đoàn thể ở thôn: Sau sáp nhập đội ngũ hoạt động không chuyên trách được sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, có năng lực, uy tín góp phần nâng cao chất lượng hoạt động chi bộ, chi hội và đoàn thể, tăng quy mô dân cư, thuận lợi bố trí nhân sự.

2. Khó khăn sau sắp xếp

- Sau sáp nhập, địa bàn quản lý rộng hơn, dân số đông hơn, có thể gây áp lực cho đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

- Một số hội trường, nhà sinh hoạt cộng đồng hiện nay chưa đáp ứng yêu cầu về diện tích, cơ sở vật chất phục vụ số lượng Nhân dân tăng lên sau sắp xếp; địa phương cần tiếp tục rà soát, bố trí kinh phí sửa chữa, nâng cấp trong thời gian tới.

- Một số xã, phường trong xây dựng phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố thấp, chưa đảm bảo tỷ lệ theo định hướng của Tỉnh ủy. Có 10 xã có tỷ lệ giảm từ 20% trở xuống, trong đó có 01/124 đơn vị hành chính xã không thực hiện việc sắp xếp thôn.

- Thời gian triển khai thực hiện việc sắp xếp thôn, tổ dân phố theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tương đối gấp rút, do đó việc khảo sát, báo cáo phương án còn chậm và chất lượng hiệu quả chưa cao.

- Một số khó khăn trong việc bố trí, sắp xếp người hoạt động không chuyên trách do sau sắp xếp địa bàn thôn, tổ dân phố rộng hơn, dân cư đông hơn dẫn đến khối lượng công việc tăng đáng kể. Đa số các Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng Ban Công tác Mặt trận trước sáp nhập đều lớn tuổi (từ 60 tuổi trở lên); còn hạn chế về công nghệ thông tin, chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện nay. Trong khi đó, đối tượng giải quyết chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố chưa đồng nhất nên gặp khó khăn trong việc xây dựng phương án bố trí người hoạt động không chuyên trách sau sắp xếp; chi phí hỗ trợ nghỉ việc dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố lớn.

- Việc đặt tên thôn, tổ dân phố mới do sắp xếp cần phải có sự đồng thuận của Nhân dân trong việc lấy ý kiến, trong khi sổ hộ gia đình các thôn, tổ dân phố sau sắp xếp tăng cao.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ trên cơ sở kinh phí đã được UBND tỉnh bố trí, triển khai thực hiện việc rà soát, tổng hợp số liệu và xây dựng phương án tổng thể, thực

hiện công tác kiểm tra trình cấp có thẩm quyền quyết định.

2. UBND cấp xã căn cứ vào ngân sách của địa phương, hướng dẫn của Sở Tài chính triển khai việc sắp xếp thôn, tổ dân phố.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

- Đôn đốc các xã triển khai thực hiện việc sắp xếp thôn, tổ dân phố đảm bảo đúng thời gian quy định.

- Tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền việc giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về số lượng, chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và mức phụ cấp, hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

- Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

- Tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo kết quả sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh gửi Bộ Nội vụ theo quy định.

2. Sở Tài chính

Hướng dẫn việc bố trí và thanh quyết toán kinh phí thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố cho các xã, phường, đặc khu và việc bố trí sử dụng hội trường thôn, tổ dân phố sau sắp xếp theo quy định.

3. Ban Thường vụ Đảng ủy và UBND cấp xã

a) Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã

Chỉ đạo UBND cấp xã phối hợp cùng các cơ quan liên quan xây dựng phương án nhân sự tại các thôn, tổ dân phố sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện; có năng lực, trình độ, kinh nghiệm công tác; đảm bảo khách quan, minh bạch, dân chủ và đúng quy định.

b) UBND cấp xã

- Căn cứ vào Phương án tổng thể sắp xếp thôn, tổ dân phố năm 2026 trên địa bàn tỉnh của UBND tỉnh ban hành và các quy định pháp luật hiện hành; thực hiện xây dựng Đề án sắp xếp thôn, tổ dân phố, gắn với phương án bố trí người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (trong quá trình triển khai xây dựng Đề án, UBND cấp xã có thể tiếp tục xác định phương án giảm số thôn, tổ dân phố theo tình hình thực tiễn và nguyện vọng của Nhân dân); tham mưu thực hiện các quy trình và lập hồ sơ lưu trữ đầy đủ thành phần theo quy định.

- Đề xuất, giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không

chuyên trách ở thôn, tổ dân phố dôi dư do thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định có liên quan. Phối hợp Sở Tài chính thực hiện việc bố trí, sử dụng nhà sinh hoạt cộng đồng (hội trường thôn, tổ dân phố) dôi dư sau sắp xếp.

- Báo cáo kết quả sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn theo quy định.

Trên đây là Phương án tổng thể sắp xếp thôn, tổ dân phố năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh.
- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lưu: VT, NC. N

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Trọng Yên